

MY NEIGHBOUREHOOD

A CLOSER LOOK 2

- compare	(v) : so sánh
- normally	(adv):thông thường, như t. lệ
- busy	(adj) : nhộn nhịp, náo nhiệt
- wide	(adj) : rộng, rộng lớn
- less	(adj) : ít hơn
- traffic	(n) : sự giao thông
- delicious	(adj) : ngon
- soon	(adv) : chẳng bao lâu nữa
- see you soon	: Hẹn gặp lại bạn sớm
- a great time	: thời gian tuyệt vời
- comparative adjective	: so sánh của tính từ